

Bản án số: 20/2023/HS-ST

Ngày: 19/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bá

Ông Thạch MuNi

Bà Huỳnh Bích Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luyện, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST - HS, ngày 17 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn N, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn A, sinh năm 1928 (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1934 (chết); có vợ và 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/10/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn N: Luật sư Võ Thanh U- Văn phòng luật sư H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Thành T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2/ Ông Lê Ngọc G, sinh năm 1949. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Ngọc G:*
Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2023).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Ngô Thị Ngọc C, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Bà Đặng Thị Thanh Y, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3/ Chị Lê Thị Nhã U, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Ông Phạm Văn Chiêu M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn Tú E, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đặng Văn N và Lê Thành T, sinh năm 1979 cùng cư trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên quen biết nhau. Tuy không bà con, họ hàng nhưng bị cáo lớn tuổi hơn nên T gọi bị cáo bằng chú và thường xuyên uống rượu cùng nhau. Vào khoảng 15 ngày 08/10/2022, bị cáo Đặng Văn N một mình đi bộ từ nhà đến quán (tạp hóa, nước giải khát, thức ăn và rượu, bia) của cháu ruột là Đặng Thị Thanh Y, sinh năm 1987 ngụ cùng ấp để uống nước. Tại đây, bị cáo gặp Nguyễn Văn U, sinh năm 1987, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987, Lê Lý X, sinh năm 1990 cùng cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang uống rượu sau quán nên rủ bị cáo vào uống rượu. Thấy vậy, bị cáo đồng ý vào uống và kêu chị Y làm thêm một tô súp xương heo, nửa lít rượu. Một lúc sau, Lê Thành T đến vào bàn ngồi uống rượu chung.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, vợ của bị cáo là Ngô Thị Ngọc C đến kêu bị cáo nghỉ uống rượu, một lúc sau tất cả đều nghỉ uống và ra về, bị cáo cùng vợ và anh Lê Thành T không về mà ra phía trước quán nằm vòng uống nước, nói

chuyện. Trong lúc nói chuyện thì giữa bị cáo và anh Lê Thành T xảy ra cự cãi với nhau về vấn đề tiền dũa và tiền vé số. Vì trước đó vài ngày anh T có mua của bị cáo 05 tờ vé số với số tiền 50.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Sau đó, T đến nhà mua dũa của bị cáo với tổng số tiền là 525.000 đồng, T đưa cho bị cáo 600.000 đồng để trả tiền dũa thì bị cáo đưa lại T 25.000 đồng tiền thừa vì bị cáo đã trừ 50.000 đồng tiền vé số T còn thiếu. T cho rằng tiền mua vé số đã trả rồi mà bị cáo còn lấy nữa nên dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi. Trong lúc cự cãi, cả hai đều lớn tiếng chửi tục qua lại với nhau, bị cáo nói “Mày chửi nữa là tao đâm à” thì T thách thức “Tôi đứng đây cho chú đâm nè”. Do bị T chửi và thách thức nên bị cáo tức giận đứng dậy chạy đến chỗ tủ kính để thức ăn bán hủ tiếu của quán (trong tủ có để nhiều cây dao dùng để thái thịt) lấy một cây dao dài 29cm; phần cán hình trụ màu vàng dài 13cm; phần lưỡi dẹt bằng kim loại, dài 16cm, rộng nhất 04cm, sóng tù, lưỡi sắc, mũi nhọn; hai mặt lưỡi dao có in dòng chữ “Điện máy xanh” cầm trên tay trái đi đến đứng đối diện T lớn tiếng nói “Mày thách tao là tao đâm à” thì được mọi người khuyên can nên bị cáo đem cất cây dao lại chỗ cũ rồi đi ra văng nằm. Lúc này, T tiếp tục chửi và đi đến chỗ bị cáo đang nằm nắm cổ áo kéo bị cáo ra khỏi văng rồi hai người giằng co, xô đẩy nhau một lúc thì được ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1952 (Cha của bà Y) can ngăn nên T buông tay bị cáo ra. Liền lúc đó, bị cáo chạy đến chỗ tủ kính lấy cây dao lúc này cầm trên tay trái nói “Mày cãi tao, tao đâm mày chết” rồi xông vào đứng đối diện đâm một nhát vào vùng ngực của T và đẩy T lùi về phía sau ngã vào vách tol của quán. Lúc này, T chống cự và tiếp tục giằng co với nhau, bị cáo rút dao ra đâm vào vùng bụng của T thêm nhiều nhát nữa nhưng không rõ trúng ở vị trí nào. Thấy vậy, ông Nguyễn Ngọc K, ông Phạm Văn Chiêu M chạy đến can ngăn, lấy cây dao trên tay của bị cáo và đưa Lê Thành T đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên T đã tử vong trên đường đi.

Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo Đặng Văn N đã đến Cơ quan Công an xã B, huyện C đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 545/KL-KTHS ngày 19/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Xây xát da, thủng da cơ nhiều vị trí trên cơ thể. Thủng bên phải đầu dưới xương ức, xoang ngực phải chứa nhiều máu đông và không đông, nhưng bao màng tim và mặt trước tâm thất phải. Gãy cung sau xương sườn 5 bên phải; xoang ngực bên phải chứa nhiều máu; phổi phải xẹp, rách và tụ máu mặt sau ngoài thùy dưới phổi phải. Nguyên nhân chính dẫn đến anh Lê Thành T tử vong là do vết thương thấu ngực, thủng tim gây mất máu cấp, suy tim cấp. Các vết thủng da, cơ trên tử thi Lê Thành T là do vật rắn có một cạnh sắc, đầu nhọn gây ra, có khả năng phù hợp với đặc điểm cây dao gửi đến giám định.

- Về vật chứng, đồ vật thu giữ:

+ 01 đĩa DVD sao lưu 02 đoạn video từ phương tiện Camera của gia đình bà Đặng Thị Thanh Y (ghi nhận hình ảnh bị cáo cầm dao đâm Lê Thành T).

+ 01 (một) cây dao, đã qua sử dụng, dài 29cm; phần cán hình trụ màu vàng, dài 13cm; phần lưỡi dẹt bằng kim loại, dài 16cm, rộng nhất 04cm, sóng tù, lưỡi

sắc, mũi nhọn; hai mặt lưỡi dao có in chữ “Điện máy xanh”, thân dao bám nhiều chất màu nâu đỏ nghi là máu (Cây dao được thu tại hiện trường).

+ 01 (một) đôi dép kẹp, màu nâu đen có dòng chữ “ISOP MADE IN VIET NAM”.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu xanh.

+ 01 (một) quần dài vải màu đen.

+ 01 (một) áo thun có bầu cổ, ngắn tay màu vàng, cam.

+ 01 (một) quần dài vải, màu xám đen.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 15/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, thừa nhận Bản cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo về tội “Giết người” là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện đối với bị hại Lê Thành T, bị cáo không khiếu nại cũng không kêu oan. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Đ là người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng số tiền 101.387.000 đồng, tổn thất tinh thần số tiền 149.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Anh O số tiền 112.495.000 đồng, chị Lê Thị Nhã U yêu cầu bị cáo hỗ trợ tiền học phí số tiền 22.350.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của chị Đ số tiền mai táng phí, tiền tổn thất tinh thần và hỗ trợ tiền học phí cho chị Nhã U. Riêng đối với số tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Anh O bị cáo yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng 810.000 đồng đến khi cháu Anh O 18 tuổi.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh; Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất công khai tại phiên tòa. Vị kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Giết người”, Vị kiểm sát viên đã phân tích các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo như: Bị cáo ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng, đại diện hợp pháp cho bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 19 năm đến 20 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Văn N và người đại diện hợp pháp cho bị hại chi phí mai táng số tiền 101.387.000 đồng, tổn thất tinh thần số tiền 149.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Anh O một tháng 810.000 đồng đến khi cháu Anh O 18 tuổi, hỗ trợ tiền học phí chị Lê Thị Nhã U

số tiền 22.350.000 đồng và trừ đi số tiền 30.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã khắc phục cho gia đình bị hại. Ngoài ra Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí, giành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Vị hoàn toàn thống nhất quan điểm của Vị kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho bị: Bị cáo ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình khắc phục 30.000.000 đồng cho gia đình bị hại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có một phần lỗi của bị hại, tinh thần bị cáo bị kích động, đại diện hợp pháp cho bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, e, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình. Về trách nhiệm dân sự Vị hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Vị kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Văn N: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn N khai nhận: Vào khoảng 15 ngày 08/10/2022, bị cáo đến quán của cháu ruột là Đặng Thị Thanh Y cùng áp. Tại đây, bị cáo cùng uống rượu với Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn Tr, Lê Lý X và bị hại Lê Thành T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, vợ của bị cáo đến kêu bị cáo nghỉ uống rượu, một lúc sau tất cả đều nghỉ uống và ra về. Bị cáo cùng vợ bị cáo và bị hại Lê Thành T không về mà ra phía trước quán nằm vũng uống nước, nói chuyện. Trong lúc nói chuyện thì giữa bị cáo và bị hại xảy ra cự cãi với nhau về vấn đề tiền dũa và tiền vé số dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi. Trong lúc cự cãi, cả hai đều lớn tiếng chửi tục qua lại với nhau, bị cáo nói “Mày chửi nữa là tao đâm à” thì anh T thách thức “Tôi đứng đây cho chú đâm nè”. Bị cáo đến chỗ tủ kính để thức ăn bán hủ tiếu của quán lấy một cây dao dài 29cm, cán hình trụ màu vàng dài 13cm, lưỡi dẹt bằng kim loại, dài 16cm, rộng nhất 04cm, sóng tù, lưỡi sắc, mũi nhọn, hai mặt lưỡi dao có in dòng chữ “Điện máy xanh” cầm trên tay trái đi đến đứng đối diện với anh T lớn tiếng nói “Mày thách tao là tao đâm à” thì được mọi người khuyên can nên bị cáo đem cất cây dao lại chỗ cũ rồi đi ra vũng nằm. Lúc này, anh T tiếp tục chửi và đi

đến chỗ bị cáo đang nằm nắm cổ áo kéo bị cáo ra khỏi văng rồi hai người giằng co, xô đẩy nhau một lúc thì được ông Đặng Văn Ph, can ngăn nên T buông tay bị cáo ra. Liên lúc đó, bị cáo chạy đến chỗ tủ kính lấy cây dao cằm trên tay trái nói “Mày cãi tao, tao đâm mày chết” rồi xông vào đứng đối diện đâm một nhát vào vùng ngực, hai bên tiếp tục giằng co bị cáo rút dao ra đâm tiếp nhiều nhát vào vùng bụng của anh T hậu quả làm anh Lê Thành T tử vong. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai do Kiểm sát viên phúc cung là nhất quán nhau, không thay đổi và bị cáo cũng thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, là do bị cáo tự do khai đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không do tác động bởi ý chí áp đặt của cơ quan điều tra và Điều tra viên, phù hợp với dấu vết thương trên cơ thể của bị hại Lê Thành T đã được cơ quan giám định khẳng định, phù hợp với các tài liệu thu thập được như biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết luận giám định, lời khai người có liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác và hình ảnh trích xuất camera có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Giết người” với tình tiết định khung *“có tính chất côn đồ”* quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm xảy ra vụ việc chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, bị cáo đi lấy dao làm hung khí mặc dù được can ngăn nhưng bị cáo cố ý thực hiện dùng dao đâm vào vùng ngực bị hại, nhưng không dừng lại mà tiếp tục rút dao ra đâm nhiều nhát vào vùng bụng của bị hại Lê Thành T, bị cáo khai nhận thức được việc dùng hung khí nguy hiểm (cây dao) đâm vào vùng ngực và vùng bụng đây là các vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại sẽ gây chết người nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Về mục đích dẫn đến bị cáo phạm tội, theo bị cáo khai là do bị hại nhỏ tuổi mà xúc phạm bị cáo, như vậy chỉ vì đề cao bản thân mà bị cáo giết chết bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ đã xâm phạm đến quyền được sống của con người, xem thường pháp luật, gây ra sự đau thương mất mát không gì bù đắp được cho gia đình người bị hại, không những gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đến an ninh trật tự ở địa phương mà còn tạo ra sự hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây bất bình trong dư luận xã hội. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa, góp phần đấu tranh chống loại tội phạm nguy hiểm này trong tình hình hiện nay.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét một cách toàn diện, khách quan các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đánh giá đúng bản chất vụ án khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải về hình vi phạm tội của bị cáo, bị cáo ra đầu thú và tác động gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại 30.000.000 đồng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị Đ và chị Lê Thị Nhã U. Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Đ tiền chi phí mai táng 101.387.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Anh O số tiền 112.495.000 tính ra thời gian còn lại là 810.000 đồng/tháng đến khi cháu Anh O 18 tuổi, hỗ trợ tiền học phí chị Lê Thị Nhã U 22.350.000 đồng, số tiền trên sẽ được trừ đi 30.000.000 đồng mà bà Trần Thị Đ đã nhận từ gia đình bị cáo.

[6] Về vật chứng:

+ 01 (một) cây dao, đã qua sử dụng, dài 29cm; phần cán hình trụ màu vàng, dài 13cm; phần lưỡi dẹt bằng kim loại, dài 16cm, rộng nhất 04cm, sóng tù, lưỡi sắc, mũi nhọn; hai mặt lưỡi dao có in chữ “Điệnmáy xanh”, thân dao bám nhiều chất màu nâu đỏ nghi là máu (Cây dao được thu tại hiện trường).

+ 01 (một) đôi dép kẹp, màu nâu đen có dòng chữ “ISOP MADE IN VIET NAM”.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu xanh.

+ 01 (một) quần dài vải màu đen.

+ 01 (một) áo thun có bầu cổ, ngắn tay màu vàng, cam.

+ 01 (một) quần dài vải, màu xám đen.

Đây là các vật chứng liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng nên. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Dữ liệu điện tử được sao lưu 02 đoạn video được lưu trữ vào bộ nhớ đĩa DVD đã được niêm phong có liên quan trực tiếp hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử sơ thẩm tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định trên, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo bị kích động về tinh thần, tuy nhiên qua đối chiếu với quy định của pháp luật trong vụ án này giữa bị cáo và bị hại cãi nhau và đồng thời cả hai cùng xúc phạm lẫn nhau, vì vậy không thể cho rằng hành vi của bị cáo là do sự tác động bởi hành vi của bị hại nên người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo bị kích động về tinh thần là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn N phải chịu án phí hình sự, dân sự, án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “Giết người”.

Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi, bổ sung nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Văn N và người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị Đ và chị Lê Thị Nhã U. Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Đ tiền chi phí mai táng 101.387.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, tiền hỗ trợ tiền học phí chị Lê Thị Nhã U 22.350.000 đồng. Tổng cộng là 272.737.000 đồng, trừ đi 30.000.000 đồng mà bà Trần Thị Đ đã nhận từ gia đình bị cáo còn lại số tiền 242.737.000 đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường. Buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi con của bị hại cháu Lê Thị Anh O, sinh ngày 19/5/2016 mỗi tháng 810.000 đồng cho đến khi cháu Lê Thị Anh O đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng từ ngày anh Lê Thành T chết ngày 08/10/2022, khoản tiền trên do chị Trần Thị Đ đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) cây dao, đã qua sử dụng, dài 29cm; phần cán hình trụ màu vàng, dài 13cm; phần lưỡi dẹt bằng kim loại, dài 16cm, rộng nhất 04cm, sóng tù, lưỡi sắc, mũi nhọn; hai mặt lưỡi dao có in chữ “Điệnmáy xanh”, thân dao bám nhiều chất màu nâu đỏ nghi là máu (Cây dao được thu tại hiện trường).

+ 01 (một) đôi dép kẹp, màu nâu đen có dòng chữ “ISOP MADE IN VIET NAM”.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu xanh.

+ 01 (một) quần dài vải màu đen.

+ 01 (một) áo thun có bầu cổ, ngắn tay màu vàng, cam.

+ 01 (một) quần dài vải, màu xám đen.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD đã được niêm phong.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Đặng Văn N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng, và 12.136.850 đồng (*Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành